SAO Y; Bộ Khoa học và Công nghệ; 07/01/2026; 18:05:56; +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 58 /2025/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 23/2013/TT-BKHCN NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2013 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUY ĐỊNH VỀ ĐO LƯỜNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN NHÓM 2

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

"Điều 7. Hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu

Cơ sở nộp hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ủy ban (01 bộ). Hồ sơ gồm:

1. Bản đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo theo Mẫu 1. ĐKPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bộ tài liệu kỹ thuật của mẫu. Tài liệu phải nêu rõ: Nguyên lý hoạt động, sơ đồ nguyên lý cấu trúc, hướng dẫn sử dụng; các kết cấu quan trọng ảnh hưởng tới đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí các cơ cấu đặt và điều chỉnh thông số kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí để dán tem, đóng dấu kiểm định, niêm phong và các đặc điểm khác nếu có trên mẫu; vị trí cơ cấu hoặc tính năng kỹ thuật thực hiện ngăn ngừa tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu trong sử dụng (tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc cả 2 thứ tiếng).

3. Bộ ảnh màu của mẫu và đĩa CD chứa dữ liệu điện tử của bộ ảnh này. Bộ ảnh gồm: Một (01) ảnh tổng thể của mẫu; các ảnh mặt trước (mặt thể hiện kết quả đo), mặt sau, mặt trên, mặt dưới (nếu có), bên phải, bên trái của mẫu; các ảnh chụp riêng thể hiện thông tin về ký mã hiệu, kiểu và đặc trưng đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; bảng mạch điện tử (nếu có), các phím vận hành; vị trí nhãn hàng hóa của mẫu, vị trí dán tem, dấu kiểm định; các vị trí niêm phong trên mẫu; các bộ phận khác có ảnh hưởng trực tiếp tới các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu.

Các ảnh phải cùng kích cỡ tối thiểu 100 mm x 150 mm nhưng không lớn hơn 210 mm x 297 mm, được gắn hoặc in mẫu trên giấy khổ A4 đóng thành tập. Ảnh chụp phải rõ ràng, chính xác thông tin về đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu và bảo đảm yêu cầu so sánh, đối chiếu, kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu so với mẫu đã phê duyệt.

4. Bộ hồ sơ kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

Trường hợp cơ sở có đề nghị miễn, giảm thử nghiệm mẫu trong đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo, bộ hồ sơ gồm các tài liệu liên quan đến việc miễn, giảm thử nghiệm theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15

"2. Một (01) tháng trước khi quyết định phê duyệt mẫu hết hiệu lực, nếu có nhu cầu, cơ sở nộp hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ủy ban (01 bộ). Hồ sơ gồm:

Đề nghị gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo theo Mẫu 5. ĐNGHPDM của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này."

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Điều 16

1. Điểm b khoản 1

"b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban xem xét, ban hành quyết định điều chỉnh theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này đối với nội dung điều chỉnh."

2. Điểm b khoản 2

"b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Ủy ban xem xét, có văn bản hướng dẫn cơ sở thực hiện việc phê duyệt mẫu mới hoặc ban hành quyết định điều chỉnh theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này đối với nội dung điều chỉnh."

Điều 4. Bãi bỏ Mẫu 2. CKPM (Bản cam kết về phần mềm của phương tiện đo) tại Phụ lục.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 21/2014/TT-BKHCN NGÀY 15 THÁNG 7 NĂM 2014 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỀ ĐO LƯỜNG ĐỐI VỚI LƯỢNG CỦA HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1

"1. Thông tư này quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn bao gồm: yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn; dấu định lượng; công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn nhóm 1."

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 10

"5. Lưu giữ đầy đủ hồ sơ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn (do cơ sở tự đánh giá)."

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 1, 2 Điều 25

1. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1

"h) Định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 01 hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (theo Mẫu 3.BCTH tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này) gửi về Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã tiếp nhận công bố."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2

"d) Chỉ được lưu thông, buôn bán hàng đóng gói sẵn bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường;"

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 26

"5. Định kỳ hai (02) năm một (01) lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện kiểm tra việc tiếp nhận công bố sử dụng dấu định lượng của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng."

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 5 Điều 28

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2

"2. Tiếp nhận và xác nhận vào bản công bố sử dụng dấu định lượng, lập và ghi chép vào sổ theo dõi, quản lý tiếp nhận công bố theo quy định tại Thông tư này."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5

"5. Định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổng hợp báo cáo Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia về kết quả hoạt động tiếp nhận công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn; tình hình và kết quả kiểm tra lượng của hàng đóng gói sẵn trên địa bàn."

Điều 10. Thay thế Mẫu 3.BCTH (Báo cáo tình hình sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn) tại Phụ lục V bằng Mẫu 3.BCTH ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Bãi bỏ Điều 6; khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 11; toàn bộ Mục 3 Chương IV gồm các Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24; điểm e khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 26 và các Mẫu 2. ĐNCN, Mẫu 4. GCN tại Phụ lục V.

Chương III

BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2018/TT-BKHCN NGÀY 12 THÁNG 4 NĂM 2018 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUY ĐỊNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐỀ ÁN "HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025"

Điều 12. Bãi bỏ Điều 7.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 02/2018/TT-BKHCN NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2018 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ THUỘC DANH MỤC CÔNG NGHỆ HẠN CHẾ CHUYỂN GIAO; MẪU VĂN BẢN TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP GIẤY PHÉP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 1 Điều 3

"a) Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;"

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 3

"c) Mẫu văn bản đề nghị cấp phép chuyển giao công nghệ thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;"

Điều 15. Thay thế Mẫu số 06 tại Phụ lục bằng Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 10/2020/TT-BKHCN NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2020 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 132/2008/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 74/2018/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ SỬ DỤNG MÃ SỐ, MÃ VẠCH

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7

"1. Tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng mã số, mã vạch nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

a) Hồ sơ đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch gồm: Biểu mẫu điện tử kê khai thông tin đăng ký có chữ ký số. Các nội dung trong biểu mẫu điện tử thực hiện theo quy định tại Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

b) Sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đã được xác thực để thực hiện thủ tục cấp mới quyền sử dụng mã số, mã vạch; cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để

thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp trên tài khoản VNeID chưa tích hợp, không khai thác được hoặc khai thác được nhưng không đầy đủ, chính xác thông tin về các giấy tờ cần thiết như Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính."

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 7

"a) Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch:

a1) Trường hợp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan xử lý thông báo cho tổ chức, cá nhân để sửa đổi, bổ sung thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo, tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã đăng ký;

a2) Trường hợp hồ sơ đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch đầy đủ, hợp lệ và tổ chức, cá nhân đóng các khoản phí theo quy định; cơ quan xử lý có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch trong thời hạn mười (10) ngày làm việc với các nội dung quy định tại Mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

a3) Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận không quá 03 năm kể từ ngày cấp."

Chương VI

THAY THẾ, BÃI BỎ MỘT SỐ BIỂU MẪU KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 14/2023/TT-BKHCN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BAN HÀNH BIỂU MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 76/2018/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 18. Thay thế Biểu mẫu BM I.1 và BM I.2 tại Phụ lục 1 bằng Biểu mẫu BM I.1 và BM I.2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 19. Bãi bỏ Biểu mẫu BM I.3 và BM I.4 tại Phụ lục 1.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Các hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.

Điều 22. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Cổng TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục

BIỂU MẪU THAY THẾ MỘT SỐ BIỂU MẪU KÈM THEO CÁC THÔNG TƯ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Thông tư số 58 /TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	***Tên Biểu mẫu***	***Ký hiệu***
1	Báo cáo tình hình sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn	3.BCTH
2	Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ	Mẫu số 06
3	Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân	BM I.1
4	Báo cáo chuyển giao, ứng dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn	BM I.2

Mẫu 3.BCTH
/2025/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

...., ngày..... tháng ..... năm 20.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG TRÊN NHÃN HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN

(Thời gian từ ngày..... đến ngày.....)

Kính gửi: .....([1]).....

Tên cơ sở lập báo cáo: .....(*tên cơ sở*).....
Địa chỉ trụ sở chính: .....
Điện thoại: .....Fax: ..... Email:.....
Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có):.....
Địa chỉ nơi sản xuất (*nếu khác với trụ sở chính*): .....
Số tiếp nhận công bố ([2]):

1. Sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn:

TT	Tên hàng đóng gói sẵn	Lượng danh định (Q_n)	Khối lượng bao bì	Số lượng sản xuất/ nhập khẩu	Số lượng đã bán	Số lượng tồn kho

2. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra:

Biên bản kiểm tra, thanh tra trong thời hạn báo cáo (*nếu có*):.....

3. Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo (*nếu có*):.....

4. Kiến nghị: .....

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT;...

Người đứng đầu cơ sở
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

([1]): *Ghi tên cơ quan tiếp nhận công bố hoặc cơ quan chứng nhận.*
([2]): *Áp dụng đối với cơ sở đã được tiếp nhận công bố.*

Mẫu số 06
/2025/TT-BKHCN

.....[1]

Số: ...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: .....[2]

Tên tổ chức, cá nhân:.....[1]

Địa chỉ:..... Số điện thoại: ..... Email: .....[3]

Đề nghị .....[2] xem xét, cấp đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ như sau:

I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[5]:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại (tel):..... Email: .....
  Fax:..... Website: .....
- Người đại diện:..... Chức danh: .....
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/dự án đầu tư … (ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, mã số)

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[5]:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại (tel):..... Email: .....
  Fax:..... Website: .....
- Người đại diện:.....Chức danh:.....
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/dự án đầu tư … (ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, mã số)

II. Nội dung chuyển giao công nghệ[4]

1. Giấy chứng nhận đăng ký số ..... ngày .... tháng ... năm do .....(tên cơ quan cấp đăng ký) cấp
2. Tên công nghệ:..... Lĩnh vực:.....
3. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ	☐
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu	☐
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ	☐

Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao		☐
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp - Số văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ..... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) - Số Giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:. (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	Sáng chế	☐
	Giải pháp hữu ích	☐
	Kiểu dáng công nghiệp	☐

4. Hình thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ độc lập			☐
Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp	Dự án đầu tư		☐
	Góp vốn bằng công nghệ	Vào dự án đầu tư	☐
		Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có)	☐
	Nhượng quyền thương mại		☐
	Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ		☐
	Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	Theo hợp đồng mua bán độc lập	☐
		Theo dự án đầu tư	☐
Hình thức khác (nếu có)(6)			☐

5. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ	☐
Đào tạo	☐
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	☐
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	☐
Phương thức chuyển giao khác (nếu có)(7)	☐

6. Quyền chuyển giao công nghệ

Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ		☐
Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ	Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐
	Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	☐
	Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ	☐
	Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ	☐

7. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);

- Sản lượng[8];

- Tỷ lệ xuất khẩu[9].

8. Giá, phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ:

- Giá chuyển giao;

- Phương thức thanh toán;

- Chi phí đã thanh toán đến thời điểm đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

10. Thời hạn còn lại của hợp đồng chuyển giao công nghệ

11. Số lần gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần 1:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần ...:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

III. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung

1. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung: Nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

2. Lý do gia hạn, sửa đổi, bổ sung: nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

3. Giá chuyển giao nội dung công nghệ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)[10]

V. Các văn bản kèm theo đơn đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt[11]	☐
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng ..... (nước ngoài)[11]	☐
Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt[12]	☐
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng ..... (nước ngoài)[12]	☐
Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước	☐
Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ)	☐

.....[1] thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ .....[3] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được .....[13], các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN[1]

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)[14]

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
- (2): Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
- (3): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).
- (4): Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện kê khai thông tin như sau:

+Trường hợp 1: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân đã đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì không bắt buộc phải kê khai thông tin tại Mục này.

+Trường hợp 2: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì phải kê khai đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Mục này.

- (5): Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- (6): Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.
- (7): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.
- (8): Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra theo nội dung chuyển giao công nghệ được đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.
- (9): Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm (năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc năm trước liền kề năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung).
- (10): Trường hợp có thay đổi về giá chuyển giao công nghệ, đề nghị nêu cụ thể giá đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung và phương thức thanh toán tương ứng với mỗi nội dung đó.
- (11): Nộp một trong hai bản, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.
- (12): Trong trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
- (13): Ghi "gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đăng ký gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi "sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi "gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đồng thời đăng ký gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
- (14): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.
- Đối với ô trống ☐, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu "✓" vào trong ô trống.

BM I.1
/2025/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Kính gửi: .....1[1]

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: .....
- Đại diện theo pháp luật: .....2[2]
- Mã định danh tài khoản tổ chức, doanh nghiệp/Mã định danh tài khoản (công dân): .....
- Điện thoại:..... Email: .....
- Địa chỉ: .....
- Lĩnh vực hoạt động: .....

2. Thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu

- Tên kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: .....
- Tóm tắt nội dung kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: .....

3. Cam kết:

Tổ chức, cá nhân .....3[3] nắm giữ quyền sở hữu hợp pháp đối với .....4[4]. và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung cam kết, tài liệu kèm theo.

...., ngày....tháng... năm .....

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)5[5]

---

[1] Cơ quan có thẩm quyền công nhận quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018.

[2] Trường hợp là tổ chức thì ghi họ tên của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.

[3] Ghi rõ tên tổ chức, cá nhân đề nghị.

[4] Ghi rõ tên kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đề nghị.

[5] Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức.

BM I.2
/2025/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
CHUYỂN GIAO, ỨNG DỤNG HIỆU QUẢ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRONG THỰC TIỄN

Kính gửi: .....[1]

1. Thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng, chuyển giao

1.1. Tên kết quả: .....

1.2. Tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu: .....

2. Sự cần thiết phải công nhận

.....

3. Mô tả đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường

3.1. Bản vẽ, thiết kế, quy trình, sơ đồ:

.....

3.2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá, thử nghiệm:

.....

3.3. Giá trị kinh tế - xã hội, môi trường:

.....

4. Nội dung, phạm vi, quy mô thực hiện nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao:

.....

5. Hiệu quả chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thực tiễn:

.....

(Kèm theo tài liệu minh chứng).

...., ngày....tháng... năm .....
TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)[2]

---

[1] Cơ quan có thẩm quyền công nhận quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018.

[2] Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức.